

Bản án số: 18/2020/HNGĐ – ST

Ngày: 02-6 -2020

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Hồng Phúc**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành Long

2. Bà Nguyễn Thị Thùy Kha

-Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hoàng Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: không tham dự phiên tòa.

Ngày 02 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 332/2019/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc: “*Xin ly hôn, nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐST – HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** **Chị Trần Kim T**, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: ấp BT, xã HT, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

*** Bị đơn:** **Anh Phạm Thanh D**, sinh năm: 1989 (có mặt)

Địa chỉ: ấp BT, xã HT, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 10 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Kim T trình bày: chị và anh Phạm Thanh D trên cơ sở quen biết và đi đến hôn nhân vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã HT vào ngày 25 tháng 02 năm 2013.

Sau khi kết hôn, thời gian vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D có tính vũ phu, thường xuyên nhậu say về là mất kiểm chế, đánh đập vợ con được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng không đạt kết quả dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không khắc phục được, chị T đã nhiều lần nhắn nhin cho anh D cơ hội sửa đổi nhưng anh D vẫn không thay đổi. Đến ngày 18/9/2019, anh D tiếp tục nhậu say về bạo hành chị T; do quá sợ hãi, ngày 19/9/2019, chị T đã lén ẵm hai con về

nhà cô ruột sống đến nay. Từ đó đến nay anh D vẫn nhiều lần nhậu say gọi điện lên chửi mắng chị T nhiều lần. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được nên yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Thanh D.

Con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Quỳnh A, sinh ngày 16/10/2017 và Phạm Quỳnh N, sinh ngày 21/5/2013 hiện do chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 08 tháng 5 năm 2020 cháu Phạm Quỳnh N, sinh ngày 21/5/2013 trình bày: Cháu là con chung của cha Phạm Thanh D và mẹ Trần Kim T. Hiện nay cháu đang học tập và sống ổn định với mẹ ở nhà số 670/87/31A, đường Đ, Phường X, Quận Y, Thành phố H. Nay nếu cha mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ là Trần Kim T.

Tại biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 18/12/2019 của Tòa án bị đơn anh Phạm Thanh D trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung như chị T trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không đáng kể, anh thừa nhận những lần nhậu say có thiếu kiềm chế về đánh vợ nhưng sau đó anh rất hối hận về hành vi của mình. Đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn chị T thì anh không đồng ý, lý do là anh còn thương vợ con, anh yêu cầu đoàn tụ. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T thì anh yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Quỳnh N, sinh ngày 21/5/2013, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung, anh đồng ý giao cháu Phạm Quỳnh A, sinh ngày 16/10/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Trần Kim T vẫn yêu cầu ly hôn với anh D; chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Phạm Thanh D yêu cầu đoàn tụ, trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Phạm Quỳnh N, sinh ngày 21/5/2013, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung, anh đồng ý giao cháu Phạm Quỳnh A, sinh ngày 16/10/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Kim T và anh Phạm Thanh D kết hôn theo phong tục tập quán vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã HT vào ngày 25 tháng 02 năm 2013 đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 12/2013 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị T cho rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng không đạt kết quả dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không khắc phục được, đến tháng 9 năm 2019 mâu thuẫn đỉnh điểm do anh D nhiều lần nhậu say thiếu kiềm chế, đánh đập vợ con khiến chị T dẫn con bỏ về nhà cô ruột sống đến nay. Từ đó đến nay nhiều lần anh D nhậu say gọi điện chửi mắng, xúc phạm danh dự chị T, do đó chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Thanh D. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa anh D cho rằng có mâu thuẫn nhưng chỉ là những bất đồng nhỏ, không đáng để ly hôn, anh thừa nhận những lần nhậu say có thiếu kiềm chế về đánh vợ nhưng sau đó anh rất hối hận về hành vi của mình. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau, yêu thương, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ và thực hiện các công việc của gia đình... Tại phiên tòa hôm nay anh D không đồng ý ly hôn với chị T và cho rằng hiện nay còn thương chị T và mong muốn đoàn tụ nhưng chị T cương quyết ly hôn, không đồng ý đoàn tụ. Xét theo tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định việc ly hôn theo yêu cầu của một bên khi có căn cứ vợ hoặc chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét chị T, anh D hiện nay không còn sống chung với nhau, cả hai đã vi phạm quyền và nghĩa vụ vợ chồng và hôn nhân của anh D và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh D.

[3] Về con chung: Phạm Quỳnh A, sinh ngày 16/10/2017 và Phạm Quỳnh N, sinh ngày 21/5/2013, hiện do chị T nuôi dưỡng, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Xét trong thời gian vợ chồng mâu thuẫn hai cháu A và N sống với chị T, cuộc sống sinh hoạt, học tập ổn định, trong quá trình Tòa án giải quyết cháu Phạm Quỳnh N, sinh ngày 21/5/2013 cũng có nguyện vọng sống với mẹ là chị T. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T: tiếp tục giao hai cháu Phạm Quỳnh A và Phạm Quỳnh N cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con do bên trực tiếp nuôi con không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: chị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng D sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Kim T.

1/Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Trần Kim T được ly hôn với anh Phạm Thanh D.

2/Về con chung: giao Phạm Quỳnh A, sinh ngày 16/10/2017 và Phạm Quỳnh N, sinh ngày 21/5/2013 cho chị Trần Kim T trực tiếp nuôi dưỡng.

Do bên trực tiếp nuôi dưỡng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

Bên không trực tiếp nuôi dưỡng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4/ Về án phí: chị Trần Kim T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ từ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án D sự huyện Mang Thít theo lai thu số No 0007290 ngày 20 tháng 11 năm 2019, chị T không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án D sự thì người được thi hành án D sự, người phải thi hành án D sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án D sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án D sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAT: 01;
- VKSND huyện M:01;
- THADS huyện M: 01;
- UBND xã HT (2013)
- Đương sự: 02;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Hồng Phúc